

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG LÃNH THỔ PHỤC VỤ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH SINH KẾ PHÙ HỢP Ở MIỀN TRUNG

PGS.TS LÊ VĂN THĂNG, THS NGUYỄN HUY ANH

Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Huế

Xây dựng bản đồ phân vùng lãnh thổ nhằm phục vụ cho việc đề xuất xây dựng các mô hình sinh kế ở các tỉnh miền Trung là nhiệm vụ quan trọng và hết sức phức tạp. Với phương pháp phân tích tổng hợp các yếu tố: điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thảm thực vật, tác động của các yếu tố thời tiết khắc nghiệt và đặc điểm các loại thiên tai chính có khả năng xảy ra trên đơn vị lãnh thổ đó, nghiên cứu đã phân chia miền Trung thành 2 á miền, 4 vùng và 14 tiểu vùng. Trong đó có 2 tiểu vùng cồn cát ven biển, 4 tiểu vùng đồng bằng duyên hải, 4 tiểu vùng gò đồi, 4 tiểu vùng núi. Kết quả nghiên cứu này là một phần của đề tài “Luận cứ khoa học cho việc lựa chọn và hoàn thiện các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng ở miền Trung và đề xuất nhân rộng”, mã số BDKH-18, thuộc Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH (KH&CN-BĐKH/11-15).

Từ khóa: phân vùng lãnh thổ, miền Trung, mô hình sinh kế, bản đồ.

STUDY TO BUILD THE TERRITORY PARTITIONING MAP FOR DEVELOPING SUITABLE LIVELIHOOD PATTERNS IN THE CENTRAL PROVINCES

Summary

Study to build the territory partitioning map for developing suitable livelihood patterns in the Central provinces is a critical and complex mission. The study has used the analysis method for integrated factors: terrain, climate, soil, vegetation cover, impacts of harsh weather events and characteristics of the main types of disasters likely to happen in the territorial units. The research results show that the Central region can be divided into 2 sub-regions, 4 areas and 14 sub-areas, including 2 sub-areas of coastal sand dunes, 4 sub-areas of coastal plains, 4 hilly and mountainous sub-areas, and 4 mountainous sub-areas.

Keywords: territory partitioning, Central region, livelihood patterns, map.

Đặt vấn đề

Phân vùng lãnh thổ phục vụ cho đề xuất xây dựng các mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu ở các tỉnh miền Trung là nhiệm vụ quan trọng và hết sức phức tạp. Ngoài sự phân hóa lãnh thổ như phân vùng khí hậu, phân vùng địa lý tự nhiên [3], phân vùng sinh thái lâm nghiệp [5], phân vùng kinh tế - xã hội đã được các nhà nghiên cứu thực hiện. Trong nghiên cứu này, nhiệm vụ phân vùng là phải phù hợp với các phân vùng tự nhiên đã được thực hiện trước đây, đồng thời phải đáp ứng được các yếu tố sinh khí hậu cho nông - lâm nghiệp, các điều kiện khắc nghiệt của thời tiết đặc trưng ở miền Trung, những tai biến tự nhiên và các tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian hiện nay và dự báo trong tương lai.

Nguyên tắc, tiêu chí xây dựng bản đồ phân vùng

Nguyên tắc phân vùng

Để đảm bảo tính xác thực, phù hợp với đặc thù lãnh thổ, việc phân vùng lãnh thổ các tỉnh miền

Trung được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau: (1) Nguyên tắc khách quan; (2) Đảm bảo tính đồng nhất tương đối; (3) Phù hợp với chức năng tự nhiên của vùng và các tiểu vùng; (4) Phù hợp với phương thức quản lý hành chính [2, 3, 4, 5].

- Nguyên tắc khách quan: vùng, tiểu vùng được xác định một cách khách quan, tức là nó được hình thành do tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên, tai biến môi trường tổng hợp và tác động nhân sinh, tuân theo quy luật tự nhiên về dòng năng lượng và trao đổi vật chất.

- Nguyên tắc đồng nhất tương đối: các vùng, tiểu vùng được hình thành bằng sự tích hợp của nhiều tiêu chí (khí hậu, địa hình, địa mạo, thực vật, thổ nhưỡng...), tuy nhiên chỉ là sự đồng nhất mang tính chất tương đối.

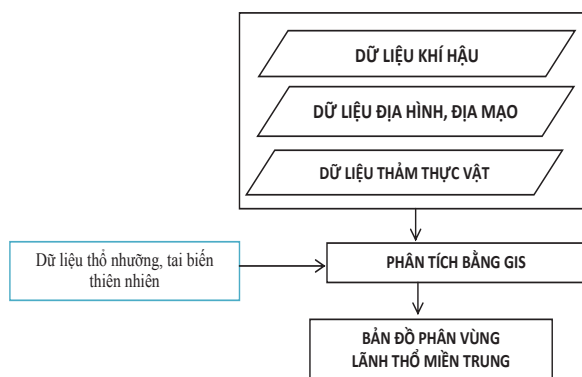
- Phù hợp với chức năng tự nhiên của vùng: mỗi tiểu vùng được xem như 1 đơn vị lãnh thổ tự nhiên có chức năng riêng và tương tác với các tiểu vùng khác.

- Phù hợp với phương thức quản lý: ưu tiên vạch ranh giới giữa 2 vùng, tiểu vùng dựa trên ranh giới tự nhiên (núi, sông suối, đứt gãy...). Tuy nhiên, cũng có thể vạch ranh giới giữa chúng bằng ranh giới hành chính của tỉnh, huyện.

Tiêu chí phân vùng

Nhóm tiêu chí địa hình, địa mạo: đặc điểm địa hình là yếu tố chính quyết định việc hình thành và phân hóa lãnh thổ [1]. Địa hình chi phối ảnh hưởng của các yếu tố khác đến lãnh thổ như lượng mưa, chế độ thủy văn, đặc điểm thổ nhưỡng... Các tiêu chí về địa hình, địa mạo bao gồm: độ cao địa hình, hướng địa hình, kiểu địa hình.

Nhóm tiêu chí khí hậu: có rất nhiều chỉ tiêu trong khí hậu đã được sử dụng làm tiêu chí phân vùng



Hình 1: sơ đồ quy trình xây dựng bản đồ phân vùng lãnh thổ

lãnh thổ, bao gồm: nhiệt độ trung bình, lượng mưa trung bình năm, ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, nhiệt độ tháng lạnh nhất, số giờ nắng trung bình năm, tác động của gió tây nam khô nóng.

Ngoài ra, trong phân vùng lãnh thổ còn sử dụng một số tiêu chí phụ khác: đặc điểm thổ nhưỡng, kiểu thảm thực vật, tai biến thiên nhiên, ảnh hưởng của nước biển dâng.

Kết quả phân vùng lãnh thổ

Từ phương pháp phân tích tổng hợp các yếu tố: điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thảm thực vật, tác động của các yếu tố thời tiết khắc nghiệt và đặc điểm các loại thiên tai chính có khả năng xảy ra trên đơn vị lãnh thổ đó, đã phân chia miền Trung thành 2 á miền, 4 vùng và 14 tiểu vùng. Trong đó có 2 tiểu vùng cồn cát ven biển, 4 tiểu vùng đồng bằng duyên hải, 4 tiểu vùng gò đồi, 4 tiểu vùng núi.

Đặc điểm cấp á miền

Kết quả nghiên cứu đã chia miền Trung thành 2 á miền là: á miền lãnh thổ phía bắc đèo Hải Vân (I); á miền lãnh thổ phía nam đèo Hải Vân (II). Tiêu chí để phân chia thành 2 á miền là dựa vào cường độ tác động của gió mùa đông bắc và tổng nhiệt độ trung bình năm của khu vực nghiên cứu.

- Á miền phía bắc đèo Hải Vân: đặc điểm chủ yếu là mùa đông chịu ảnh hưởng của không khí lạnh cực đới, cường độ giảm nhanh nhất là phía nam đèo Ngang. Hiệu ứng phơn làm biến tính mạnh các dòng không khí nhiệt đới phía tây. Tính chất cơ bản là nóng ẩm nhưng có thời kỳ khô nóng khá điển hình. Sự phân hóa khí hậu ở đây xảy ra mạnh. Nhiệt độ trung bình năm từ 18-25°C. Mùa đông tương đối lạnh, giảm nhanh sau đèo Ngang, tới Huế mưa phùn nhưng nhiệt độ tháng lạnh nhất gần 20°C. Vào thời kỳ mùa hè, nhiệt độ cao nhất có thể trên 40°C, thậm chí có khu vực 42-43°C (Tương Dương - Nghệ An, Hương Khê - Hà Tĩnh, Đông Hà - Quảng Trị, Nam Đông - Thừa Thiên-Huế). Mưa lớn nhưng phân bố không đều trong năm, tổng lượng mưa biến động từ 1.100-4.000 mm/năm, mùa mưa dịch về mùa thu khác hẳn với các vùng ở phía Bắc. Bức xạ lớn nhưng phân bố không đều và thường chịu ảnh hưởng mạnh của bão.

- Á miền phía nam đèo Hải Vân: chịu ảnh hưởng mạnh của khối không khí nhiệt đới và xích đạo biển, không khí cực đới biến tính có ảnh hưởng không

Bảng 1: đặc điểm cấp á miền lãnh thổ miền Trung

Á miền lãnh thổ phía bắc đèo Hải Vân (I)	Tiêu chí	Á miền lãnh thổ phía nam đèo Hải Vân (II)
<ul style="list-style-type: none"> - Mùa đông chịu ảnh hưởng của không khí lạnh cực đối, chịu tác động mạnh nhất của hiệu ứng phơn. Đặc trưng khí hậu là nóng ẩm và có thời kỳ khô nóng điển hình trùng với thời kỳ hoạt động mạnh của gió mùa tây nam. - Nhiệt độ trung bình năm: $T_{\text{năm}}$: 18-25°C. - Nhiệt độ tháng lạnh nhất < 20°C. - Nhiệt độ cao nhất Tmax > 40°C. - Lượng mưa lớn nhưng không đều, dao động từ 1.200-4.000 mm/năm, mùa mưa dịch dân về mùa thu. 	Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa đông không chịu ảnh hưởng của không khí lạnh cực đối, là khu vực chịu ảnh hưởng của các khối không khí nhiệt đới, xích đạo biển. Chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn ở những vùng thấp. - Nhiệt độ trung bình năm: $T_{\text{năm}}$: 25-27°C. - Nhiệt độ tháng lạnh nhất > 20°C. - Nhiệt độ cao nhất Tmax > 40°C. - Lượng mưa lớn nhưng không đều, dao động từ 700-3.500 mm/năm.
<ul style="list-style-type: none"> - Hướng địa hình chủ yếu là hướng tây bắc - đông nam, phần sườn phía tây của dãy Trường Sơn Bắc chủ yếu ở trên lãnh thổ Lào. - Có nhiều dãy núi ăn sát ra biển và có nhiều vũng, vịnh ven biển, đồng thời tạo sự chia cắt địa hình lớn, hình thành các đồng bằng nhỏ như: Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên- Huế. 	Địa hình, địa mạo	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng địa hình chủ yếu là hướng á kinh tuyến. - Có nhiều dãy núi ăn sát ra biển và có nhiều vũng, vịnh ven biển, đồng thời tạo sự chia cắt địa hình lớn, hình thành các đồng bằng nhỏ như: Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi.

đáng kể, khí hậu có tính chất nhiệt đới điển hình và không có mùa đông lạnh. Mức phân hóa khí hậu tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm từ 20-26°C, chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn Tmax > 38°C, chịu ảnh hưởng mạnh của biển. Lượng mưa trung bình năm lớn, từ 700-4.000 mm. Riêng vùng cực nam Trung Bộ từ Khánh Hòa đến Bình Thuận là vùng khô hạn lượng mưa trung bình năm chỉ đạt từ 700-1.400 mm, mùa mưa dịch hẳn về mùa thu - đông. Bức xạ mặt trời lớn.

Đặc điểm cấp vùng

Từ sự phân hóa thành 2 á miền lãnh thổ, tiếp tục phân chia thành 4 vùng lãnh thổ bao gồm: Vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh, Bình - Trị - Thiên, Đà Nẵng - Phú Yên, Khánh Hòa - Bình Thuận. Tiêu chí để phân chia cấp vùng lãnh thổ bao gồm: cường độ ảnh hưởng của gió mùa đông bắc; tần suất xuất hiện gió tây nam khô nóng, lượng mưa trung bình năm và tổng số giờ nắng trung bình ở từng vùng lãnh thổ.

Bảng 2: đặc điểm các vùng lãnh thổ miền Trung

Tên đơn vị	Tiêu chí xác định	Đặc điểm
Thanh - Nghệ - Tĩnh	Khí hậu	Tần suất xuất hiện gió tây nam khô nóng 20-30 ngày (VI,VII) Số ngày có nhiệt độ dưới 15°C từ 35-50 ngày Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất là < 19°C Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 43°C Nhiệt độ trung bình năm < 24,5°C Lượng mưa trung bình năm từ 1.200-3.000 mm Số giờ nắng trung bình năm < 1.700 giờ
	Địa hình, địa mạo	Địa hình phân bậc rõ từ tây sang đông, phía tây là núi thấp kiểu khối tầng, phát triển trên nhiều loại đá sau đó chuyển xuống vùng gò đồi và cuối cùng là đồng bằng nhỏ hẹp và dải cát ven biển Hướng địa hình chủ yếu là hướng tây bắc - đông nam, có nhiều dãy núi ăn sát ra biển (Hoành Sơn) đèo Ngang, Tĩnh Gia - Thanh Hóa Hướng bờ biển: á kinh tuyến
	Thảm thực vật	Kiểu rừng kín hỗn loài, lá rộng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, với tính đa dạng sinh học cao như Pù Mát, Vũ Quang
Bình - Trị - Thiên	Khí hậu	Tần suất xuất hiện gió tây nam khô nóng > 30 ngày (IV,V,VI, VII) Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất là >20°C Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 43°C Nhiệt độ trung bình năm 24,5-25°C Lượng mưa trung bình năm từ 2.000-3.500 mm Số giờ nắng trung bình năm 1.800-2.000 giờ
	Địa hình, địa mạo	Địa hình phân bậc rõ từ tây sang đông, phía tây là núi thấp kiểu khối tầng, phát triển trên nhiều loại đá sau đó chuyển xuống vùng gò đồi và cuối cùng là đồng bằng nhỏ hẹp và dải cát ven biển Hướng địa hình chủ yếu là tây bắc - đông nam, có nhiều dãy núi ăn sát ra biển, hoặc đồi núi sát biển như: khối bazan Vĩnh Linh (Quảng Trị), Mũi Nê, Vĩnh Phong (Thừa Thiên-Huế), Đá Nhảy, Hoành Sơn (Quảng Bình) Hướng bờ biển: tây bắc - đông nam
	Thảm thực vật	Kiểu rừng kín hỗn loài, lá rộng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, với tính đa dạng sinh học cao như Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Hướng Hóa, Dakrong (Quảng Trị), Phong Điền, Bạch Mã (Thừa Thiên-Huế)
Đà Nẵng - Phú Yên	Khí hậu	Nhiệt độ trung bình năm <26,5°C Không có tháng nào nhiệt độ trung bình < 23°C Không có mùa đông lạnh Bão đến muộn (X-XI) Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 40°C Độ dài thời kỳ nóng tháng I-VIII Biên độ nhiệt năm 6,5-7,8°C Lượng mưa trung bình năm: 1.200-3.500 mm
	Địa hình, địa mạo	Bao bọc phía bắc và đông của Tây Nguyên Độ cao lớn nhất là 1.500 m, trong đó vùng có độ cao phổ biến nhất là 200-500 m Hướng địa hình chủ yếu là hướng á kinh tuyến, có nhiều dãy núi ăn sát ra biển hình thành các vũng vịnh và các đồng bằng nhỏ hẹp như đồng bằng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên - Hướng bờ biển: á kinh tuyến
Khánh Hòa - Bình Thuận	Khí hậu	Nhiệt độ trung bình năm >26,5°C Không có tháng nào nhiệt độ trung bình < 23,8°C Biên độ nhiệt năm <5,5°C Số giờ nắng trung bình 2.600-2.800 giờ Lượng mưa trung bình năm <1.200 mm
	Địa hình, địa mạo	Nằm ở rìa đông nam khu vực Tây Nguyên Độ cao lớn nhất là 1.500 m, trong đó vùng có độ cao phổ biến nhất là < 100 m Hướng địa hình chủ yếu là hướng á kinh tuyến và đông bắc - tây nam, có nhiều dãy núi ăn sát ra biển hình thành các vũng vịnh như Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong Hướng bờ biển: bắc - nam và đông bắc - tây nam

Đặc điểm cấp tiểu vùng

Bảng 3: ký hiệu các tiểu vùng lãnh thổ miền Trung

Tên á miến	Tên vùng	Tên tiểu vùng	Ký hiệu
Á miến lãnh thổ phía bắc đèo Hải Vân (I) (bao gồm các tỉnh từ Thanh Hóa - Thừa Thiên-Huế, ranh giới giữa 2 á miến là dãy núi Hải Vân)	Thanh - Nghệ - Tĩnh (ranh giới phía nam là đèo Ngang)	Tiểu vùng đồng bằng và ven biển Thanh Hóa	I.1.1
		Tiểu vùng gò đồi Thanh - Nghệ - Tĩnh	I.1.2
		Tiểu vùng núi phía tây Thanh - Nghệ - Tĩnh	I.1.3
		Tiểu vùng đồng bằng Nghệ Tĩnh	I.1.4
	Bình - Trị - Thiên (ranh giới phía nam là đèo Hải Vân)	Tiểu vùng cồn cát ven biển Bình - Trị - Thiên	I.2.1
		Tiểu vùng đồng bằng Bình - Trị - Thiên	I.2.2
		Tiểu vùng trung du Bình - Trị - Thiên	I.2.3
		Tiểu vùng khối núi đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng	I.2.4
		Tiểu vùng núi tây Bình - Trị - Thiên	I.2.5
	Á miến lãnh thổ phía Nam đèo Hải Vân (II) (bao gồm các tỉnh từ Đà Nẵng - Bình Thuận)	Đà Nẵng - Phú Yên (ranh giới phía nam là đèo Cù Mông)	Tiểu vùng núi tây Quảng Nam - Quảng Ngãi
Tiểu vùng gò đồi Đà Nẵng - Phú Yên			II.1.2
Tiểu vùng đồng bằng và đất cát ven biển Đà Nẵng - Phú Yên			II.1.3
Khánh Hòa - Bình Thuận		Tiểu vùng đồng bằng và cồn cát ven biển khô hạn cực nam Trung Bộ	II.2.1
		Tiểu vùng gò đồi cực nam Trung Bộ	II.2.2

Cấp tiểu vùng trên bản đồ phân vùng được xây dựng dựa trên các tiêu chí chính là khí hậu, địa hình, địa mạo, đặc điểm thảm thực vật, sự ảnh hưởng của biển, các loại tai biến thiên nhiên thường xuyên xảy ra và đặc điểm thổ nhưỡng. Theo đó, nghiên cứu đã phân chia lãnh thổ miền Trung thành 14 tiểu vùng, trong đó có 2 tiểu vùng cồn cát ven biển, 4 tiểu vùng đồng bằng duyên hải, 4 tiểu vùng gò đồi, 4 tiểu vùng núi.

Kết luận

Bản đồ phân vùng lãnh thổ miền Trung là cơ sở khoa học quan trọng nhằm đề xuất xây dựng các mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu. Bản đồ được xây dựng bằng phương pháp phân tích tổng hợp các yếu tố: điều kiện địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, thảm thực vật, tác động của các yếu tố thời tiết khắc nghiệt và đặc điểm các loại thiên tai chính có khả năng xảy ra trên đơn vị lãnh thổ đó. Kết quả nghiên cứu đã phân chia miền Trung thành 2 á miến, 4 vùng và 14 tiểu vùng. Trong đó có 2 tiểu vùng cồn cát ven biển, 4 tiểu vùng đồng bằng duyên hải, 4 tiểu vùng gò đồi, 4 tiểu vùng núi

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Đức An, Ưông Đình Khanh, 2012, Địa mạo Việt Nam cấu trúc - tài nguyên - môi trường, NXB Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
- [2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 1996, Phân vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Vũ Tự Lập, 1996, Giáo trình Địa lý tự nhiên Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Lê Bá Thảo, 1998, Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [5] UN-REDD, RCFEE, 2011, Phân vùng sinh thái lâm nghiệp ở Việt Nam, Hà Nội.